

BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI

Nguyễn Quang Hiền*

1. Đặt vấn đề

Trước hết, chúng ta đều thấy rằng người bị buộc tội (người bị tạm giữ, người bị khởi tố về hình sự, người bị quyết định đưa ra xét xử) là những người bị tình nghi phạm tội, không thể đồng nghĩa với người có tội. Điều đó được khẳng định tại Điều 10 Bộ luật Tố tụng Hình sự (BLTTHS) năm 1988, Điều 72 Hiến pháp năm 1992 và Điều 9 BLTTHS năm 2003: “*không ai bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội của tòa án đã có hiệu lực pháp luật*”. Trách nhiệm hình sự được bắt đầu từ khi bản án tuyên bố người bị buộc tội có tội và có hiệu lực pháp luật chứ không phải từ thời điểm người bị buộc tội có các quyết định buộc tội. Do vậy, phải coi người bị buộc tội là người không có tội, từ đó đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, những người tiến hành tố tụng hình sự (TTHS) và mọi người trong xã hội phải đối xử với họ như là người không có tội. Đây là nghĩa vụ pháp lý, trừ một số hạn chế nhất định mà pháp luật cho phép áp dụng đối với người bị buộc tội như các biện pháp ngăn chặn, còn các quyền và lợi ích khác của họ vẫn được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Pháp luật nghiêm cấm đối xử với người bị buộc tội như là người có tội khi mà chưa có bản án tuyên bố người bị buộc tội có tội có hiệu lực pháp luật. Tình trạng này không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của các cơ quan tiến hành tố tụng và cũng không cản trở các hoạt động trong việc thu thập chứng cứ, chứng minh tội phạm và người phạm tội. Chỉ có tòa án là cơ quan duy nhất có quyền tuyên bố người bị buộc tội là có tội. Xuất phát từ nguyên tắc đó sẽ loại trừ định kiến, kết tội một chiều trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Dù chứng cứ thu thập trong vụ án đến đâu, niềm tin nội tâm của người tiến hành TTHS về lỗi của

người bị buộc tội thế nào thì họ vẫn có nghĩa vụ làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ. Nguyên tắc này thể hiện thái độ trân trọng tới số phận con người, hạn chế sai lầm tư pháp làm oan, sai cho mọi người. Mọi hoài nghi của vụ án về lỗi của người bị buộc tội phải được giải thích theo hướng có lợi cho người bị buộc tội là một nguyên tắc để bảo vệ quyền con người trong TTHS của người bị buộc tội, đồng thời là trách nhiệm buộc các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành TTHS phải xác định được sự thật khách quan của vụ án. Không chứng minh được hành vi phạm tội của người bị buộc tội phải xem là đồng nghĩa với sự không có tội của người bị buộc tội, “*ai buộc tội thì người đó phải chứng minh là có tội*”. Người bị buộc tội dù đang đứng trước Hội đồng xét xử vẫn phải được bảo vệ các quyền con người trong TTHS mà họ được pháp luật quy định.

Căn cứ vào địa vị pháp lý đặc thù của người bị buộc tội, là người tham gia TTHS “*yếu thế*” hơn cả, bị mất đi một số quyền mà pháp luật quy định, lại phải đối trọng với cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện chức năng buộc tội là cơ quan điều tra, viện kiểm sát. Họ phải đối mặt với cả bộ máy cơ quan nhà nước hoạt động có tính chuyên nghiệp, với đội ngũ điều tra viên, kiểm sát viên. Họ cũng có thể bị áp dụng một số biện pháp ngăn chặn và hoàn toàn không có khả năng bình đẳng với các bên buộc tội trong hoạt động chứng minh ở giai đoạn điều tra (thu thập, đề xuất chứng cứ). Với tư tưởng truyền thống chúng ta thường bảo vệ “*người yếu*” nên tác giả thấy rằng những người bị buộc tội là những người có khả năng bị tổn thương các quyền con người trong TTHS nhất là khi tham gia TTHS. Do vậy, bảo vệ các quyền con người trong TTHS của những người bị buộc tội là “*đối tượng trọng tâm*” của việc bảo vệ quyền con người trong TTHS.

* TS. Luật học, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Quyền con người và bảo vệ quyền con người luôn là vấn đề quan tâm hàng đầu của mỗi quốc gia. Trong lĩnh vực pháp luật, vấn đề quyền con người lại là nền tảng trong việc nghiên cứu và ban hành các quy phạm. Trong tố tụng hình sự việc giải quyết vụ án hình sự không thể tách rời vấn đề bảo vệ quyền con người, đặc biệt là quyền của người bị buộc tội. Bởi lẽ, để buộc tội đối với một người phải dựa trên những căn cứ đã được pháp luật quy định và phải do những người, những cơ quan có thẩm quyền tiến hành.

Ở Việt Nam, yêu cầu cải cách tư pháp đang được đặt ra cấp thiết. Hai văn bản của Bộ Chính trị là Nghị quyết số 08 – NQ/TW ngày 2/1/2002 và Nghị quyết số 49 – NQ/TW ngày 2/6/2005 đã định ra mục tiêu cơ bản của cải cách tư pháp là đảm bảo xét xử đúng người, đúng tội, tránh oan sai người vô tội. Điều này chứng tỏ Nhà nước Việt Nam luôn bảo vệ những người vô tội, kể cả những người chưa có quyết định của cơ quan tư pháp nhưng đang bị rơi vào hoàn cảnh cực kỳ khó khăn khi ở trong tình trạng đang bị buộc tội là phạm tội. Tuy nhiên, thực tế giải quyết vụ án hình sự ở Việt Nam cho thấy vẫn còn tồn tại tình trạng oan sai, gây thiệt hại cho người dân, cụ thể là quyền và lợi ích của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Thực tế này xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân từ chính những quy định của pháp luật chưa thực sự thống nhất, còn chông chéo, mâu thuẫn. Mặc dù pháp luật TTHS nước ta đã trải qua các lần sửa đổi, bổ sung, song cũng chỉ là khắc phục được phần nào những bất cập chứ chưa thực sự đáp ứng được việc áp dụng cho có hiệu quả. Chính vì thế, các quy định của pháp luật TTHS vẫn chưa thực sự bảo vệ đầy đủ quyền của người bị buộc tội. Quyền của người bị buộc tội được thể hiện ở hai góc độ:

Thứ nhất, quyền của người bị buộc tội được đảm bảo trên cơ sở các nguyên tắc trong hoạt động tố tụng.

Thứ hai, các quy định cụ thể về các quyền cơ bản của người bị buộc tội.

Sự buộc tội chỉ xuất hiện khi một người bị cáo buộc là đã thực hiện một hành vi mà Bộ

luật Hình sự quy định là tội phạm. Ngay cả trong trường hợp khi người tiến hành tố tụng đã tiến hành điều tra ban đầu, thậm chí đã triệu tập người tham gia tố tụng thì điều này cũng chưa có nghĩa tồn tại sự buộc tội. Như vậy, cần thiết phải có những tiêu chí rõ ràng để xác định thời điểm một người phải đối diện với sự buộc tội. Sự buộc tội được coi là hiện hữu từ thời điểm một người được thông báo chính thức bởi cơ quan có thẩm quyền về những chứng cứ rõ ràng cho rằng (nghị vấn) họ đã thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: lệnh bắt, lệnh khám xét nhà...). Sự thông báo này, đôi khi có giá trị ngay cả khi người có liên quan không hiểu hoặc thông báo không đến được với họ. Và kể từ thời điểm đó, một người bị coi là người bị buộc tội trong vụ án hình sự. Sự buộc tội sẽ tồn tại và kéo dài trong suốt quá trình tố tụng chứng minh hành vi của người bị buộc tội là có tội hay không có tội. Và đương nhiên những quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội vẫn được bảo đảm và được pháp luật bảo vệ.

2. Những nguyên tắc cơ bản bảo vệ quyền con người của người bị buộc tội

2.1. Nguyên tắc xét xử công bằng

Nguyên tắc này có ý nghĩa là việc xét xử phải công bằng đối với các bên trong vụ án. Đối với người bị buộc tội thì họ có quyền được hưởng sự công bằng từ việc xét xử một cách tốt nhất ngay cả khi họ không có khả năng bào chữa hay không có một căn cứ nào minh bạch đối với hành vi vi phạm của họ.

- Sự công bằng ở đây được hiểu là Hội đồng xét xử (đặc biệt là thẩm phán) không được thiên vị trong quyết định của mình, không bị chi phối bởi các yếu tố bên ngoài phòng xử, hay một áp lực nào từ phía bất kỳ cá nhân hay tổ chức khác. Mặc dù những người tiến hành tố tụng có những xúc cảm riêng về vụ án trong suốt quá trình xét xử, nhưng họ không được phép đặt chúng vào hoạt động xét xử khi phán quyết tình trạng của người bị buộc tội.

- Khía cạnh thứ hai của sự công bằng đó là mọi thủ tục đều phải được tiến hành công khai bởi những cơ quan tiến hành tố tụng.

Mọi vấn đề đều phải được xem xét và làm sáng tỏ công khai trong tất cả các giai đoạn tố tụng (đặc biệt là tại phiên tòa khi có sự ngờ vực giữa sự có tội hoặc vô tội). Điều này đòi hỏi người thẩm phán phải hết sức khách quan, trong sáng và đúng đắn trong những nhận xét và quyết định. Đây cũng được coi là nền tảng của nguyên tắc suy đoán vô tội. Từ nền tảng đó, nguyên tắc xét xử công bằng được thể hiện cụ thể ở ba nội dung chính sau:

Thứ nhất, người bị buộc tội có quyền yêu cầu đưa vụ án ra xem xét tại tòa án. Đây là ý nghĩa cơ bản và đặc trưng của nguyên tắc xét xử công bằng. Theo đó, vụ việc của người bị buộc tội sẽ được giải quyết bởi một tòa án một cách đầy đủ, khách quan và đúng pháp luật.

Thứ hai, các bên được đối xử công bằng trong phiên tòa xét xử và sự công bằng này được duy trì trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Biểu hiện cụ thể như: Người bị buộc tội có những cơ hội ngang bằng trong việc trình bày các chứng cứ, có cơ hội xem xét và sao chép những nội dung trong biên bản hồ sơ liên quan đến tình trạng của mình, điều này được coi là rất có lợi và cần thiết cho việc bào chữa. Ngoài ra, người bị buộc tội có quyền phản đối lại những lập luận không có lợi chống lại họ, hay quyền được mời nhân chứng, v.v.

Thứ ba, sự công bằng trong xét xử còn thể hiện ở chỗ, các bên được tham dự phiên tòa và quyền được xét xử công khai, hai quyền này có mối liên hệ mật thiết với nhau. Tuy nhiên, trong trường hợp người bị buộc tội khước từ quyền của mình thì tòa án cũng có thể không trả lời hoặc không giải thích những vấn đề liên quan đến họ. Nếu không chắc chắn rằng người bị buộc tội nhận thức được việc khước từ quyền của mình sẽ bất lợi cho họ thì tòa án sẽ kiểm chứng lại một cách cẩn thận những thủ tục nhằm đảm bảo quyền lợi cho họ.

2.2. Nguyên tắc suy đoán vô tội

Có thể nói, nguyên tắc suy đoán vô tội trong TTHS là một thành tựu của khoa học pháp lý hiện đại trên thế giới. Đối với hầu hết các quốc gia, nguyên tắc suy đoán vô tội

giữ một vị trí vô cùng quan trọng, định hướng cho toàn bộ quá trình tố tụng giải quyết vụ án hình sự. Nguyên tắc này không còn là riêng biệt trong pháp luật của từng quốc gia mà nó đã được toàn cầu hóa. Cụ thể nó được ghi nhận ở Điều 11 của Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền:

“1. Bất kỳ một người nào bị cáo buộc trong việc thực hiện tội phạm đều có quyền được coi là chưa có tội khi lỗi của họ chưa được chứng minh bằng một phiên tòa công khai theo một thủ tục do pháp luật quy định và tại phiên tòa đó họ được hưởng tất cả những bảo đảm cần thiết cho việc bào chữa của mình;

2. Không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt bởi một hành vi mà Bộ luật Hình sự không coi là tội phạm tại thời điểm thực hiện hành vi đó”.

Công ước châu Âu về Quyền con người ghi nhận: *“bất cứ người nào bị cáo buộc đã thực hiện hành vi phạm tội sẽ được coi là vô tội cho đến khi chứng minh được họ phạm tội theo quy định của pháp luật”.* Nguyên tắc suy đoán vô tội được coi là sự đảm bảo tố tụng đầu tiên khi bắt đầu khởi động cho các hoạt động TTHS tiếp theo. Nguyên tắc này đặt ra nhiệm vụ đối với những người tiến hành TTHS phải giải quyết vụ án với một thái độ nghiêm túc và hợp pháp. Khía cạnh quan trọng và nền tảng nhất của nguyên tắc suy đoán vô tội chính là sự buộc tội. Điều này gắn liền với việc xem xét công bằng, không thiên vị của tòa án. Tòa án phải xem xét vấn đề theo hướng có lợi cho bị cáo mà không bị ràng buộc bởi bất cứ định kiến nào, và chỉ có thể kết tội họ trên cơ sở đã xem xét, đánh giá các chứng cứ được thu thập theo một trình tự, thủ tục luật định. Như vậy, một người bị coi là có tội chỉ khi có sự tuyên bố của tòa án và sự tuyên bố này phải dựa trên việc xem xét, đánh giá khách quan các chứng cứ đã được thu thập hợp pháp. Điều này có nghĩa là, nếu tòa án coi người bị buộc tội đã là người có tội thì tại phiên tòa xét xử của tòa án sẽ không khách quan trong việc đánh giá các chứng cứ, đánh giá ý kiến tranh luận của các bên buộc tội và bên bào chữa. Và như

vậy, quyền con người của người bị buộc tội sẽ không thể được đảm bảo.

Ở khía cạnh khác, nguyên tắc suy đoán vô tội có sự gắn bó mật thiết với nguyên tắc xét xử công bằng. Những người tiến hành tố tụng không thể công bằng nếu việc quyết định của mình là thiên vị hay thiên vị, và ngược lại. Đặt giả thiết, nếu một người bị cáo buộc là phạm tội, và tòa án hay các cơ quan có thẩm quyền hiển nhiên coi họ là có tội, hoặc sự phán quyết chỉ đơn thuần dựa trên sự nhận tội của người bị buộc tội thì điều đó có nghĩa là nguyên tắc suy đoán vô tội đã bị vi phạm. Như vậy, vấn đề cốt lõi và cơ bản của nguyên tắc chính là ở chỗ *"mọi nghi ngờ phải được giải thích theo hướng có lợi cho người bị buộc tội"*. Những người tiến hành tố tụng không thể bắt đầu nhiệm vụ của mình với sự suy đoán rằng bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội mà họ bị cáo buộc. Một điều cốt yếu là gánh nặng chứng minh phải thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng, còn đối với người bị buộc tội, họ không có nghĩa vụ này. Điều này cho phép trước những lập luận theo chiều hướng suy đoán có tội từ phía những người tiến hành tố tụng, thì người bị buộc tội ít nhất cũng có quyền đưa ra những chứng cứ cho rằng bản án của tòa án cấp sơ thẩm là không chính xác. Như vậy, một bản án bị phát hiện không chính xác thì đương nhiên sẽ không được chấp nhận ở cấp phúc thẩm. Trong trường hợp này, tòa án cấp phúc thẩm bắt buộc phải tìm hiểu nguyên nhân và đánh giá lại, đồng thời sửa chữa và khắc phục những sai sót của tòa án cấp dưới trong việc ra bản án. Việc làm này sẽ đảm bảo cho bị cáo thấy rằng quyền lợi chính đáng của họ được bảo vệ đầy đủ.

3. Các quyền cơ bản của người bị buộc tội

3.1. Được thông báo kịp thời về lý do bị buộc tội

Người bị buộc tội phải được thông báo một cách kịp thời, chính xác và đầy đủ lý do họ bị buộc tội. Sự kịp thời ở đây được hiểu là trong khoảng thời gian sớm nhất, để người bị buộc tội có điều kiện chuẩn bị cho việc bào chữa. Điều này không chỉ thể hiện tính hình

thức mà còn là căn cứ pháp lý của việc xem xét và đánh giá chứng cứ. Tuy nhiên, những chứng cứ thu thập được ở thời điểm này cũng chưa đủ để phán quyết về hành vi của người bị buộc tội.

Việc thông báo phải được thực hiện bằng ngôn ngữ mà người bị buộc tội sử dụng. Nếu dùng ngôn ngữ khác thì thông báo đó phải được phiên dịch đầy đủ, chính xác.

3.2. Quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể

Quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể là quyền rất quan trọng và thiết thực đối với người bị buộc tội. Pháp luật tất cả các nước trên toàn thế giới đều nghiêm cấm việc dùng nhục hình, đối xử thô bạo, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người bị buộc tội trong suốt quá trình TTHS. Nhưng một thực trạng cần phải lưu tâm hiện nay là người bị nhiễm HIV/AIDS hoặc các căn bệnh khác như lao, giang mai, nghiện hút rất nhiều. Trong quá trình tạm giữ, tạm giam những người bị buộc tội với nhau, những người này sẽ khó có thể tránh được sự lây nhiễm sang người khác. Bên cạnh đó, việc quản lý nhà tạm giữ, tạm giam, quản lý người bị buộc tội còn lỏng lẻo, kém hiệu quả, không đúng pháp luật, chế độ sinh hoạt, ăn uống, vệ sinh, ánh sáng thực sự đang nằm trong nguy cơ cảnh báo.

3.3. Được có thời gian để chuẩn bị cho việc bào chữa

Thời điểm được thông báo về việc buộc tội cũng đồng thời làm xuất hiện quyền bào chữa của người bị buộc tội. Họ được tạo mọi điều kiện thuận lợi về mặt thời gian để chuẩn bị cho việc bào chữa của mình. Thời gian thích hợp để chuẩn bị việc bào chữa được xác định khi mà người bị buộc tội tìm được người bào chữa, hoặc chuẩn bị đầy đủ thông tin để tự bào chữa. Khoảng thời gian thích hợp cho việc bào chữa được áp dụng không chỉ đối với người bị buộc tội mà còn đối với người bào chữa của họ. Trong trường hợp người bị buộc tội thay đổi người bào chữa, thì người bào chữa mới cũng được tạo điều kiện thuận lợi về mặt thời gian để nghiên cứu hồ sơ, chuẩn bị phương án bào chữa. Nếu

người bị buộc tội muốn trình bày trực tiếp một cách chi tiết với người bào chữa thì cơ quan tiến hành tố tụng sẽ phải tạo điều kiện cho họ. Ngược lại, sự bảo đảm này sẽ không được đáp ứng nếu như sự tham gia chậm trễ của người bào chữa xuất phát từ lí do chủ quan từ chính người bào chữa hoặc người bị buộc tội.

Ở nước ta, bảo vệ quyền bào chữa của người bị buộc tội trong TTTHS luôn được coi là nguyên tắc hiến định, được thể chế hoá trong tất cả các bản Hiến pháp 1946, 1959, 1980, 1992. Điều 132 Hiến pháp năm 1992 quy định: “*quyền bào chữa của bị cáo được bảo đảm. Bị cáo có thể tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa cho mình. Tổ chức luật sư được thành lập để giúp bị cáo và các đương sự khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa*”. Nguyên tắc hiến định này đã được thể hiện cụ thể tại Điều 11 BLTTTHS 2003: “*Người bị tạm giữ, bị can, bị cáo có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa, cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án có nhiệm vụ bảo đảm cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo thực hiện quyền bào chữa của họ theo quy định của Bộ luật này*”. Quyền bào chữa trong TTTHS là chế định quan trọng trong pháp luật TTTHS, là một trong rất nhiều quyền công dân, là một bộ phận hợp thành của quyền con người trong TTTHS. Bào chữa tồn tại ở tất cả các giai đoạn của TTTHS, ở đâu có buộc tội ở đó có bào chữa, và quyền bào chữa thuộc về người nào khi người đó bị buộc tội. Như vậy, quyền bào chữa trong TTTHS là tổng hòa các hành vi TTTHS do người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bị kết án thực hiện trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật TTTHS, nhằm phủ nhận một phần hay toàn bộ sự buộc tội của các cơ quan tiến hành tố tụng, làm giảm nhẹ hoặc loại trừ trách nhiệm hình sự của mình trong vụ án hình sự.

Quyền bào chữa trong TTTHS có mục đích vừa bảo đảm tính chính xác, khách quan của quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, vừa nâng cao hiệu quả của công tác bảo vệ quyền con người trong

TTTHS. Việc hoàn thiện chế định quyền bào chữa của những người bị buộc tội trong TTTHS gắn liền với việc mở rộng thẩm quyền và phạm vi tham gia của người bào chữa, là một trong những phương hướng và biện pháp thu hút đông đảo quần chúng tham gia vào công việc quản lý của Nhà nước. Đây là một trong những nội dung cơ bản của nền dân chủ, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển xã hội, mà điều cốt lõi là vì con người. Việc thực hiện quyền bào chữa trong TTTHS của những người bị buộc tội có đạt được hiệu quả hay không, điều đó trước hết phụ thuộc vào nội dung của các quy phạm pháp luật về quyền bào chữa và các biện pháp thực hiện cũng như cơ chế bảo vệ các quy định đó trong quá trình TTTHS.

Nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật, nguyên tắc xác định sự thật, nguyên tắc pháp chế, nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa là những căn cứ, xuất phát điểm cho việc xây dựng các quy phạm pháp luật về quyền bào chữa trong TTTHS của những người bị buộc tội. Nhưng thực tế cho thấy, một số quy phạm trong BLTTTHS hiện hành quy định về quyền bào chữa chưa đầy đủ và chưa thể hiện những nguyên tắc chủ đạo nêu trên. Cụ thể, Điều 11 BLTTTHS 2003 quy định nguyên tắc: “*người bị tạm giữ, bị can, bị cáo có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa...*” nghĩa là pháp luật đã quy định từ thời điểm quyền bào chữa xuất hiện, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo đều có quyền ngang nhau trong việc thực hiện quyền bào chữa, bao gồm tự bào chữa và thuê người bào chữa. Tuy vậy, khoản 1 Điều 58 BLTTTHS 2003 lại quy định đối với bị can bị khởi tố về các tội xâm phạm an ninh quốc gia và cần phải giữ bí mật điều tra, thì người bị buộc tội, người bị tạm giữ, bị can nếu có yêu cầu người bào chữa thì người bào chữa cũng chỉ được tham gia TTTHS để bào chữa cho họ từ khi kết thúc điều tra. Rõ ràng quy định này đã mâu thuẫn và sai với tư tưởng chỉ đạo của nguyên tắc “*bảo đảm quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật*” được quy định tại Điều 5 BLTTTHS 2003 và nguyên tắc

“bảo đảm quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo” được quy định tại Điều 11 BLTTHS 2003 nêu trên, như vậy đã vi phạm quyền con người trong TTHS của người bị buộc tội. Mặt khác, trong BLTTHS 2003 chỉ duy nhất có Điều 18 quy định nguyên tắc “xét xử công khai”, còn ngoài ra không có một điều luật nào quy định tính công khai của các giai đoạn khác trong quá trình TTHS. Vấn đề đặt ra, phải chăng không có nguyên tắc công khai trong giai đoạn điều tra, truy tố và thi hành án hình sự, với ý nghĩa là những giai đoạn của TTHS? Theo tác giả, hoạt động TTHS là dạng hoạt động quản lý của Nhà nước thể hiện trong lĩnh vực an ninh, trật tự xã hội và đấu tranh phòng chống tội phạm. Vì vậy, mọi hành vi TTHS không thể tiến hành một cách “bí mật” và không thể không thừa nhận có nguyên tắc công khai trong các giai đoạn của TTHS. Nguyên tắc công khai phải được thể hiện ở chỗ, mọi hoạt động TTHS, hành vi TTHS trong đó có cả hoạt động điều tra có tính chất TTHS đối với bất kỳ tội phạm nào, đều được tiến hành với sự tham gia hoặc sự có mặt của người tham gia TTHS có quyền và lợi ích liên quan tới hành vi đó. Do vậy, hạn chế sự tham gia của người bào chữa trong những vụ án với tội danh xâm phạm an ninh quốc gia là mâu thuẫn và vi phạm hiến pháp cũng như một số nguyên tắc của pháp luật TTHS. Để bảo đảm quyền bào chữa của tất cả những người bị buộc tội trong TTHS, cần thiết phải bỏ khoản 1 Điều 58 BLTTHS 2003 và khẳng định quyền bào chữa bao gồm quyền tự bào chữa và nhờ người khác bào chữa xuất hiện từ khi người bị buộc tội sử dụng quyền của mình trong TTHS đã được pháp luật ghi nhận bất cứ lúc nào, giai đoạn nào trong TTHS.

3.4. Người bị buộc tội không có khả năng tài chính để thuê người bào chữa thì họ sẽ được trợ giúp miễn phí

Nội dung cốt lõi của quyền này nhằm đảm bảo có hiệu quả quyền bào chữa của người bị buộc tội trong vụ án hình sự:

Thứ nhất, quyền tự bào chữa được coi là quyền mặc nhiên của người bị buộc tội.

Người bị buộc tội có quyền tự biện hộ cho mình mà không cần sự trợ giúp nào khác. Nhưng đôi khi việc tự bào chữa của người bị buộc tội lại gây nhiều bất lợi cho bản thân họ. Và trong những trường hợp như vậy, cơ quan tiến hành tố tụng sẽ chủ động đề nghị người bị buộc tội nên thuê người bào chữa. Ở khía cạnh khác, quyền kháng cáo của người bị buộc tội cũng được coi là quyền tự bào chữa. Điều này thể hiện thái độ không đồng ý của người bị buộc tội đối với quyết định của tòa án cấp sơ thẩm, và pháp luật cho phép người bị buộc tội một lần nữa được trình bày sự biện hộ của mình tại phiên tòa phúc thẩm.

Thứ hai, người bị buộc tội có quyền thuê người khác bào chữa. Nếu người bị buộc tội không thể tự mình bào chữa, thì họ có quyền tìm sự trợ giúp từ người bào chữa. Trong trường hợp không có khả năng chi phí bào chữa thì người bị buộc tội cũng có thể được hưởng việc bào chữa miễn phí nếu điều đó đáp ứng sự công bằng về những lợi ích pháp lý chung.

Quyền này bao hàm hai nội dung, hoặc do người bị buộc tội tự thuê người bào chữa, hoặc người bào chữa được chỉ định bởi cơ quan tố tụng. Nếu người bị buộc tội thực sự tin tưởng vào người bào chữa nào đó thì cơ quan tiến hành tố tụng có thể đáp ứng nhu cầu đó của họ. Họ có quyền thay đổi người bào chữa, và khi có yêu cầu, người bào chữa mới sẽ được triệu tập ngay trong thời gian chuẩn bị cho việc bào chữa.

Đối với trường hợp chỉ định người bào chữa, thì trách nhiệm tìm người bào chữa của cơ quan tố tụng là bắt buộc. Một bộ phận quan trọng trong tố tụng hình sự chính là người bào chữa. Do đó, nếu một người không có khả năng hoặc không tự thuê người bào chữa nhưng nếu có yêu cầu thì các cơ quan tiến hành tố tụng cần đề nghị trung tâm trợ giúp pháp lý cử người bào chữa cho họ.

Thứ ba, người bị buộc tội có quyền được bào chữa miễn phí. Người bị buộc tội sẽ được bào chữa miễn phí nếu như họ không có khả năng thuê người bào chữa. Khoản tiền chi trả cho việc bào chữa sẽ được trích từ quỹ chung

của cộng đồng. Quyền được bào chữa miễn phí là quyền đương nhiên của người bị buộc tội nếu họ là người chưa thành niên hoặc người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất, có khung hình phạt cao nhất là tử hình. Và quyền này gắn liền với nghĩa vụ chỉ định người bào chữa của cơ quan tiến hành tố tụng.

3.5. Được quyền thu thập chứng cứ và kiểm tra lại các chứng cứ

Quyền này được coi là định hướng cho việc xét xử tại phiên tòa. Theo đó, người bị buộc tội và người bào chữa của họ có quyền được xem xét, kiểm tra và chất vấn về những chứng cứ được ghi nhận trong các biên bản về sự buộc tội ngay từ giai đoạn điều tra của vụ án. Thể hiện ở các quyền sau:

Thứ nhất, quyền thu thập chứng cứ. Mặc dù người bị buộc tội không có nghĩa vụ chứng minh sự vô tội của mình, tuy nhiên họ vẫn có quyền thu thập chứng cứ để biện minh cho mình. Cụ thể họ có quyền đặt câu hỏi đối với những chứng cứ buộc tội họ, có quyền tranh luận với kiểm sát viên về sự buộc tội, có quyền trình bày, biện minh trước phiên tòa, cung cấp những thông tin có lợi cho bản thân.

Thứ hai, quyền kiểm tra lại các chứng cứ buộc tội. Sự đảm bảo quyền này của người bị buộc tội là họ có quyền tự mình (hoặc cùng với người bào chữa) kiểm tra hoặc đề nghị các cơ quan tiến hành tố tụng kiểm tra đối với tất cả những chứng cứ ghi nhận sự buộc tội trong tất cả các biên bản từ các giai đoạn tố tụng. Điều này một mặt đảm bảo việc bào chữa của người bị buộc tội, mặt khác, thông qua việc xem xét tổng thể các nguồn chứng cứ tòa án quyết định nguồn chứng cứ nào được coi là đủ cơ sở pháp lý là chứng cứ để buộc tội đối với bị cáo.

3.6. Quyền có người phiên dịch miễn phí

Người bị buộc tội có quyền trợ giúp miễn phí về phiên dịch và giải thích cặn kẽ về tất cả những vấn đề liên quan đến quyền của họ trong suốt quá trình tố tụng nếu họ không hiểu ngôn ngữ được cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng. Quyền này đối với người bị buộc tội được coi là sự tuân thủ nguyên tắc “xét xử

công bằng”. Tất cả mọi biên bản ghi nhận những chứng cứ buộc tội đối với người bị buộc tội cần thiết phải được phiên dịch một cách cặn kẽ để đảm bảo cho việc xét xử được công bằng. Trách nhiệm chỉ định người phiên dịch thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng, nhưng cũng có trường hợp người bị buộc tội trực tiếp đề nghị. Mọi chi phí cho việc phiên dịch sẽ do cơ quan tiến hành tố tụng chi trả. Quyền này được đảm bảo áp dụng ngay ở giai đoạn khởi tố vụ án hình sự cho tới giai đoạn xét xử. Quyền này sẽ không mất đi hay bị hạn chế khi người bào chữa của người bị buộc tội hiểu được ngôn ngữ được cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng. Và như vậy, người bị buộc tội cũng không được quyền khiếu nại cơ quan tiến hành tố tụng đã sử dụng ngôn ngữ bản xứ trong khi tiến hành tố tụng, bởi họ đã có người phiên dịch.

4. Kết luận

Qua việc nghiên cứu việc bảo vệ quyền con người của người bị buộc tội cho chúng ta thấy, việc bảo vệ quyền của người bị buộc tội được ghi nhận trên hai phương diện:

Thứ nhất, là các nguyên tắc mang tính định hướng, nền tảng trong quá trình áp dụng thủ tục tố tụng.

Thứ hai, các quy định cụ thể về các quyền của người bị buộc tội ở các giai đoạn tố tụng.

Ở nước ta hiện nay, việc bảo vệ quyền con người trong TTHS nói chung và quyền của người bị buộc tội nói riêng đang là vấn đề được đặt ra cấp thiết. Sự cấp thiết này được đặt trong bối cảnh chung của toàn cầu, đặc biệt là trong công cuộc đổi mới và hội nhập. Thiết nghĩ, để nâng cao việc bảo vệ quyền con người của người bị buộc tội trong TTHS, thì việc nghiên cứu, tìm hiểu và tiếp thu những quy định tiến bộ của các nước trên thế giới là điều cần thiết và có ý nghĩa. Hy vọng những nội dung trên sẽ gợi mở những hướng nghiên cứu mới nhằm mục đích hoàn thiện hơn nữa các quy định của pháp luật TTHS Việt Nam trong việc bảo vệ quyền con người của người bị buộc tội.